

Số: 102/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1995, Số định danh cá nhân 064195013182.
Địa chỉ: **Thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai**.

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990, Số định danh cá nhân 008090013857. Địa chỉ: **Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã C, tỉnh Gia Lai)** vào ngày 22/4/2016. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Anh chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân, nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Thị Bảo T1**, sinh ngày 31/3/2017 (nữ).

Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao con chung là **Nguyễn Thị Bảo T1**, sinh ngày 31/3/2017 (nữ) cho anh **Nguyễn Văn T** trực tiếp trông nom, chăm

sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình và phù hợp với nguyện vọng của cháu **T1**.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** thoả thuận chị **Lê Thị Thu H** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ này.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số **0005874** ngày 04 tháng 6 năm 2026 của **Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai**.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Thị Bảo T1**, sinh ngày 31/3/2017 (nữ).

Anh chị thỏa thuận giao con chung là cháu **Nguyễn Thị Bảo T1**, sinh ngày 31/3/2017 (nữ) cho anh **Nguyễn Văn T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

Thời điểm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của anh **Nguyễn Văn T** bắt đầu từ ngày 15/6/2026 cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** thoả thuận chị **Lê Thị Thu H** không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án công nhận các quan hệ này.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số **0005874** ngày 04 tháng 6 năm 2026 của **Thị hành án dân sự tỉnh Gia Lai**. Chị **Lê Thị Thu H** và anh **Nguyễn Văn T** đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HSPA, VT-LT, CGQ.

THẨM PHÁN

Dương Nam Anh Chính